

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 336/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08-8-2024
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Tới.

Ông Nguyễn Công Trường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Hiếu Nghĩa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

Ngày 08 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 327/2024/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 290/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Hồng T, sinh năm 1984 (có yêu cầu vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Khóm A, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp K, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của chị Lê Hồng T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Thời gian chung sống thường xảy ra mâu thuẫn không giải quyết được nên tự sống riêng với nhau, do không hàn gắn được nên chị yêu cầu ly hôn với anh V.

Về con chung của chị và anh V có một người tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 21/02/2007 đang ở với chị, sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và đề nghị vắng mặt.

Đối với anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

Nguyễn Thành Đ là con chung của chị T và anh V có nguyện vọng ở cùng chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Lê Hồng T được Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Chị Lê Hồng T có yêu cầu vắng mặt, anh Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, căn cứ khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T và anh V.

[3] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Hồng T và anh Nguyễn Văn V được xác lập vào năm 2006, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập có hiệu lực nên hôn nhân được xác định là hợp pháp kể từ thời điểm đăng ký, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

Quá trình chị T và anh V chung sống thực tế có xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là không tin tưởng lẫn nhau làm cho cuộc sống không hạnh phúc. Phía chị T cương quyết ly hôn trong khi đó anh V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt và không có

ý kiến phải hỏi điều đó cho thấy anh V1 không có thiện chí để hàn gắn. Hiện tại, anh chị đã sống ly thân nhau, thời gian kéo dài đôi bên vẫn không tìm được biện pháp hữu hiệu để xoa dịu mâu thuẫn nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Xét thấy, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của chị T được ly hôn với anh V là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình..

[4] Về con chung: Chị T và anh V có một người con chung tên Nguyễn Thành Đ, sau khi ly hôn chị T yêu cầu nuôi con trong khi đó anh V vắng mặt và không có ý kiến gì về phần con chung. Hiện tại, con đang ở cùng chị T và để không làm xáo trộn môi trường sống của con, căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận giao con cho chị T nuôi theo nguyện vọng của con. Phần cấp dưỡng nuôi con phía đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản: Đương sự không có yêu cầu về phần tài sản nên không xem xét giải quyết trong cùng vụ án. Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Chị Lê Hồng T là nguyên đơn trong vụ án xin ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Phần tạm ứng án phí chị T đã nộp được khấu trừ.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Hồng T ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Chị Lê Hồng T nuôi con tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 21/02/2007 đang ở với chị T, không đặt ra việc cấp dưỡng.

Anh V có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị T.

Vì lợi ích của con chưa thành niên nên anh V có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và chị T có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản: Đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu phân chia tài sản thành vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Lê Hồng T phải chịu 30.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0005027 ngày 22/5/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được khấu trừ.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục Thi hành án dân sự

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

huyện Trần Văn Thời;

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;

- UBND xã Khánh Bình, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau (Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn);

- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Phan Thanh Hải